

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới khi lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ vẫn đang neo ở mức cao

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

VPB, VRE

## [Cập nhật công ty]

FRT

## [Quan điểm đầu tư]

Nhà đầu tư được khuyến nghị hạ tỷ trọng các vị thế trading trong các nhịp hồi sớm và chỉ gia tăng tỷ trọng trở lại nếu về vùng hỗ trợ sâu.

21/04/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,370.21	-1.05
VN30	1,426.87	-0.60
HĐTL VN30F1M	1,435.30	-0.33
HNXIndex	366.61	-3.53
HNX30	658.07	-4.05
UPCoM	104.89	-1.42
USD/VND	22,964	-0.07
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	3.06	+1
Lãi suất qua đêm (%)	1.87	+9
Dầu (WTI, \$)	103.90	+1.12
Vàng (LME, \$)	1,945.51	-0.63

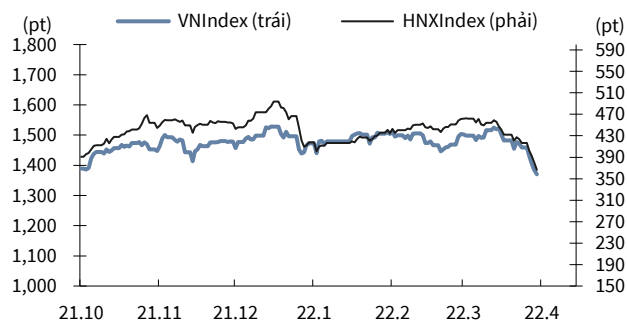


# Điểm nhấn thị trường

<b>VNIndex</b>	<b>1,370.21 (-1.05%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>810.7 (+30.9%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>1,035.9 (+16.0%)</b>
<b>HNXIndex</b>	<b>366.61 (-3.53%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>111.5 (+12.7%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>98.3 (+14.6%)</b>
<b>UPCoM</b>	<b>104.89 (-1.42%)</b>
<b>KLGD (triệu CP)</b>	<b>82.1 (+36.0%)</b>
<b>GTGD (triệu US\$)</b>	<b>54.9 (+5.5%)</b>
<b>NĐTNN mua ròng (triệu US\$)</b>	<b>+40.1</b>

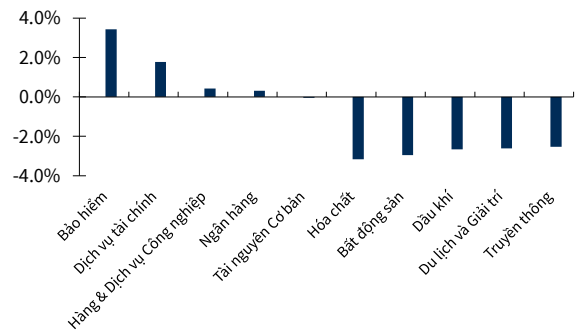
TTCK giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới khi lợi suất trái phiếu chính phủ Mỹ vẫn đang neo ở mức cao. Ngân hàng Nhà nước cho biết trong 3 năm gần đây, hoạt động cho vay đối với lĩnh vực bất động sản giảm về tỷ trọng so với tín dụng của toàn hệ thống, cụ thể tín dụng đổ vào bất động sản giảm từ trên 26% năm 2018 xuống khoảng 12% cuối năm 2021, cổ phiếu ngành bất động sản giảm ở NLG (-7%), DIG (-7%). Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, kim ngạch xuất khẩu phân bón trong 3 tháng đầu năm 2022 lên tới 291 triệu USD, tăng gấp 2.8 lần so với cùng kỳ năm trước, cổ phiếu ngành phân bón tăng ở DPM (+2.3%). Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam (IAV) cho biết tổng doanh thu phí bảo hiểm gốc phi nhân thọ 2 tháng đầu năm đạt 11,248 tỷ đồng, tăng 15.3%YoY và đặt mục tiêu tăng trưởng doanh thu bảo hiểm đạt 15%/năm, cổ phiếu ngành bảo hiểm tăng ở MIG (+6.9%), BVH (+3.9%). Khối ngoại mua ròng ở VRE (-1%), VNM (0%), DXG (-5.1%).

**VNIndex & HNXIndex**



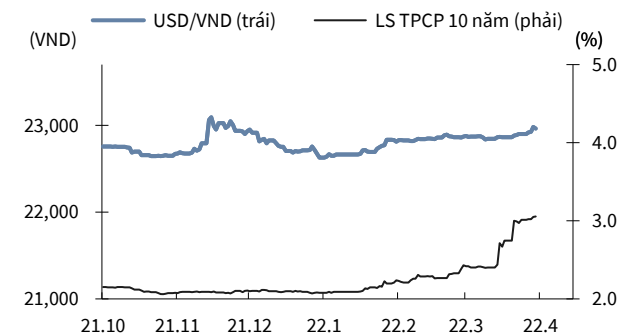
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Biến động nhóm ngành**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm**



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

**Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng**



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

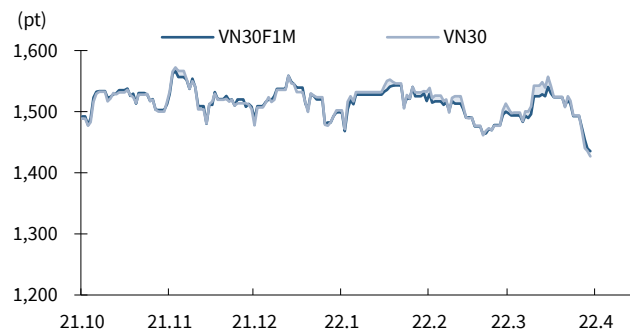
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,426.87 (-0.60%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,435.3 (-0.33%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,443.9</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,452.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,424.2</b>

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2204 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức 6.7 điểm sau đó biến động giằng co trong khoảng -5.98 và 4.97 điểm trước khi đóng cửa ở mức cao nhất ngày đạt 8.43 điểm. Khối ngoại giao dịch cân bằng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm nhẹ.

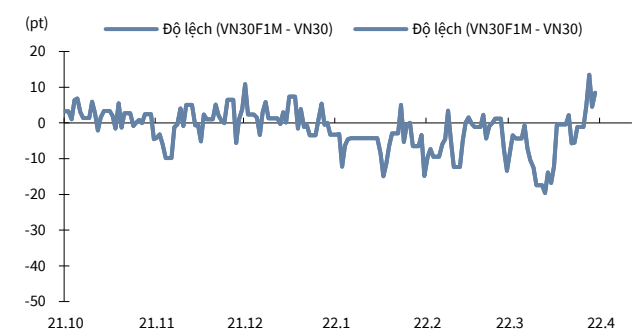
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>236,819 (-2.0%)</b>
------------------	------------------------

### HĐTL VN30F1M & VN30



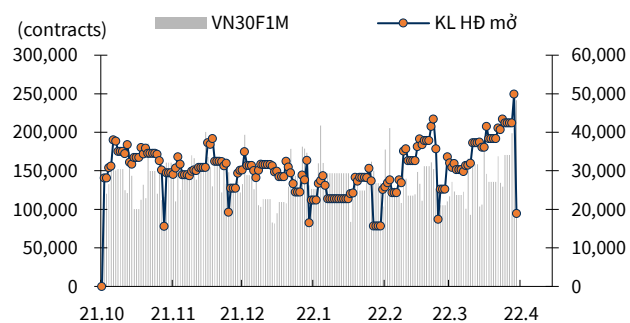
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



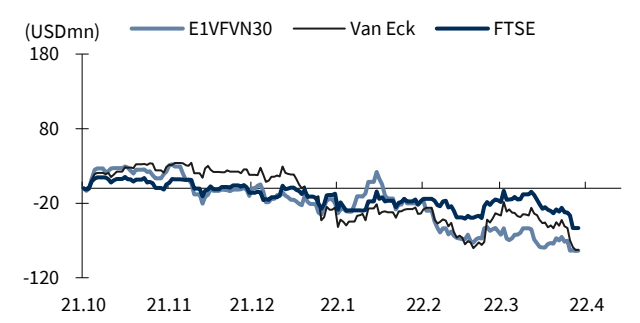
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

### KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

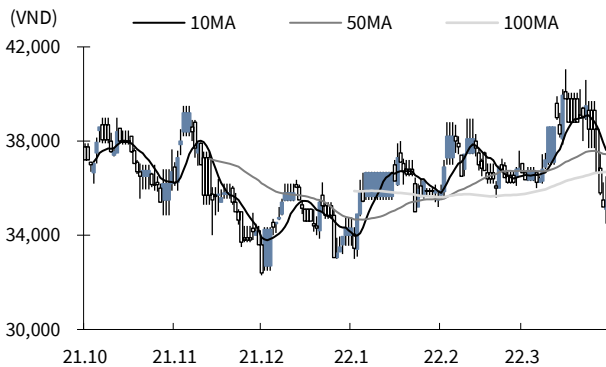
### Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

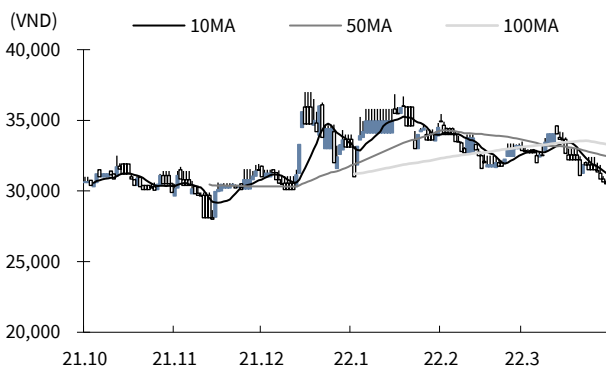
## Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VPB tăng 0.9% lên 35,500 VND/cp
- VPBank thông báo lợi nhuận trước thuế quý I đạt 11,146 tỷ, tăng gần gấp ba lần so với cùng kỳ năm trước với tăng trưởng tín dụng chất lượng tại ngân hàng riêng lẻ đạt 10.3% YoY, tăng gấp đôi mức trung bình ngành, và tăng trưởng huy động đạt 11.5% YoY.

## CTCP Vincom Retail (VRE)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VRE giảm 0.5% xuống 30,500 VND/cp
- CTCP Vincom Retail dự định trình ĐHCĐ thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2022 với doanh thu 8,000 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 2,400 tỷ đồng, lần lượt tăng 35.8% và 82.5% so với thực hiện năm 2021.
- Kế hoạch trong năm 2022, Vincom Retail sẽ khai trương 3 trung tâm thương mại (TTTM) mới với tổng diện tích 95,000m<sup>2</sup>, nâng tổng diện tích mặt sàn bán lẻ trên toàn hệ thống lên gần 1.8 triệu m<sup>2</sup>, bao gồm Vincom Mega Mall Smart City (Hà Nội) và 2 Vincom Plaza.

# CTCP Bán lẻ Kỹ thuật số FPT (FRT)

## Tương lai sáng thức đẩy bởi chuỗi nhà thuốc

Chúng tôi đã tham dự ĐHCĐ FRT và ghi nhận một số thông tin chính về KQKD quý 1/2022 cũng như triển vọng, kế hoạch của công ty trong tương lai.

### Kết quả kinh doanh sơ bộ trong Q1/2022

- Sơ bộ Quý 1/2022, doanh số 7.7 nghìn tỷ (+65% YoY) và LNST gấp 5 lần cùng kì 2020, đạt 150 tỷ đồng.
- Theo nhận định của chúng tôi, KQKD trên được thúc đẩy từ cả chuỗi FPT shop và chuỗi nhà thuốc Long Châu. Cụ thể, kết thúc Q1/2022, chuỗi Long Châu đã có 600 cửa hàng hoạt động (gần gấp 3 lần so với con số 222 cửa hàng cùng kì 2021); hơn nữa, doanh thu trung bình/cửa hàng trong Q1/2022 tăng lên 1.5 tỷ đồng/cửa hàng so với mức 1.1 tỷ đồng/cửa hàng trong năm 2021. Ngoài ra, chuỗi FPT shop cũng tăng trưởng tốt nhờ nhu cầu máy tính xách tay và điện thoại di động trong Q1/2022 vẫn duy trì tích cực.

### Kế hoạch năm 2022 tăng trưởng tích cực với lực đẩy lớn tới từ chuỗi nhà thuốc Long Châu

- Đại hội cổ đông thông qua kế hoạch kinh doanh cho năm 2022 với doanh thu thuần 27 nghìn tỷ (+20% YoY) và LNST đạt 720 tỷ đồng (+30% YoY). Chính sách trả cổ tức tiền mặt được thông qua cho 2021 và 2022 lần lượt là 500 đồng/cổ phiếu và 1,000 đồng/cổ phiếu.
- Đặc biệt, cho năm 2022 BLĐ đặt mục tiêu LNTT của chuỗi nhà thuốc Long Châu là 50-100 tỷ đồng, tăng trưởng đáng kể so với mức LNTT năm 2021 là 4 tỷ đồng. Mục tiêu mở mới cửa hàng Long Châu sẽ tùy thuộc vào tình hình kinh doanh, dao động 300-400 cửa hàng. Theo BLĐ công ty, FRT sẽ không mở ồ ạt quá nhiều cửa hàng mà thay vào đó sẽ tập trung dung hoà giữa việc cải thiện doanh số/cửa hàng và mở cửa hàng mới.
- Đối với chuỗi FPT shop, BLĐ nhận định rằng nhu cầu với các sản phẩm chính như máy tính xách tay, điện thoại di động nhìn chung sẽ vẫn tốt thời kỳ hậu dịch bệnh. Mặc dù doanh số máy tính xách tay đã suy giảm khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát, song BLĐ cho rằng nhu cầu đối với mặt hàng này sẽ vẫn duy trì tích cực khi thói quen học tập/làm việc sau dịch bệnh cũng sẽ thay đổi, xu hướng trực tuyến nhiều hơn. Ngoài ra, FRT sẽ đẩy mạnh doanh số bán hàng Apple, đặc biệt đối với iPhones khi BLĐ khẳng định sẽ đẩy mạnh hoạt động của chuỗi F.Studio hơn trước.

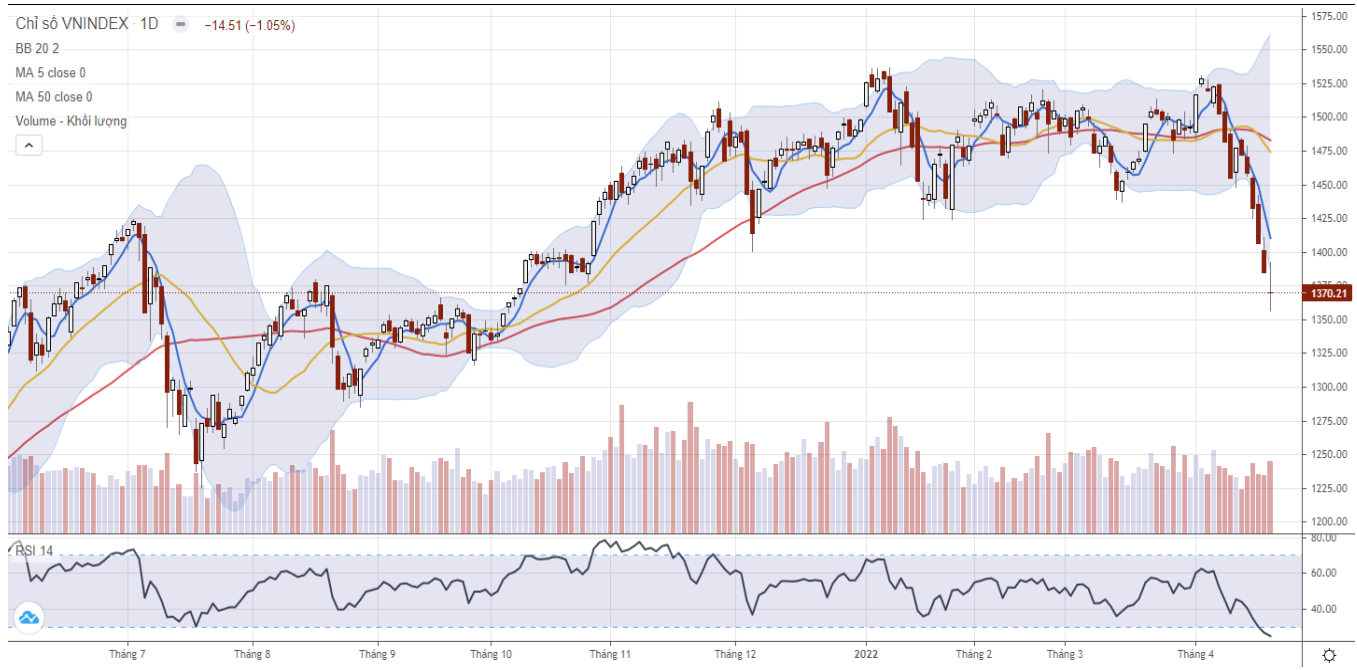
### Lấn sân sang lĩnh vực mạng di động ảo MVNO

- BLĐ cho biết phía công ty đang trong quá trình lấy giấy phép hoạt động trong lĩnh vực mạng di động ảo (MVNO). MVNO là một mạng di động hoạt động mà không cần sở hữu cơ sở hạ tầng, các MVNOs sẽ hợp tác với các nhà mạng truyền thống MNOs nhằm sử dụng cơ sở hạ tầng của họ. BLĐ FRT nhận định rằng chiến lược này sẽ giúp cho FRT tận dụng lợi thế vốn đã tốt với các nhà mạng lớn như Mobifone, Viettel, Vinafone,...qua đó tăng mức độ tương tác với các khách hàng của FRT thông qua hình thức trên.

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một phiên giảm điểm giằng co với các nhịp tăng giảm đan xen.
- Lực cầu bắt đáy quanh vùng hỗ trợ yếu 145x giúp làm giảm đà rơi của chỉ số, đồng thời khiến cho trạng thái của thị trường trở nên bất tiêu cực hơn. Mặc dù vậy, thanh khoản gia tăng trong các nhịp sụt giảm phá đáy để ngỏ rủi ro tiếp tục mở rộng điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ sâu hơn.
- Nhà đầu tư được khuyến nghị hạ tỷ trọng các vị thế trading trong các nhịp hồi sớm và chỉ gia tăng tỷ trọng trở lại nếu về vùng hỗ trợ sâu.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1465 - 1468

Kháng cự gần: 1455 - 1460

Hỗ trợ gần: 1426 - 1430

Hỗ trợ xa: 1409 - 1413

- F1 trải qua một phiên giảm điểm giằng co với các nhịp tăng giảm đan xen.
- Lực cầu bắt đáy quanh vùng hỗ trợ yếu 142x giúp làm giảm đà rơi của chỉ số, đồng thời khiến cho trạng thái của thị trường trở nên bớt tiêu cực hơn. Mặc dù vậy, thanh khoản gia tăng trong các nhịp sụt giảm phá đáy để ngỏ rủi ro tiếp tục mở rộng điều chỉnh xuống vùng hỗ trợ sâu hơn.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, bán tại kháng cự và mua tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tạm đứng ngoài quan sát.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

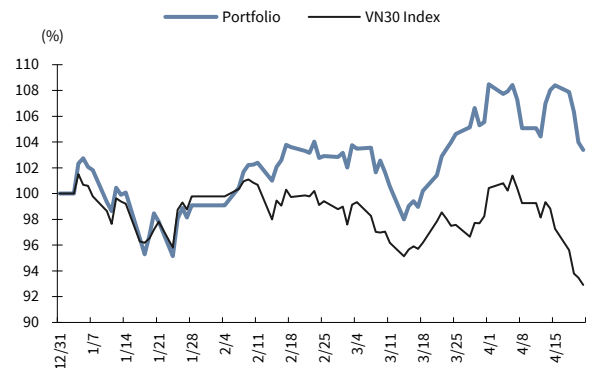
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.60%	-0.58%
Tăng lũy kế (YTD)	-7.09%	3.38%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 21/04/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	155,500	-0.3%	101.9%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	71,600	2.3%	16.1%	- Giá phân bón tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	119,000	0.1%	55.1%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	200,000	-1.7%	6.0%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	80,800	1.0%	135.3%	- Màng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	112,000	0.0%	284.7%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Màng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	29,000	1.0%	51.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	105,000	-1.5%	45.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	43,350	0.3%	198.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	41,850	-7.0%	228.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duê cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VRE	-0.5%	30.5%	71.1
VNM	-0.8%	54.2%	56.8
NLG	-7.0%	32.1%	48.9
MSN	-1.1%	28.4%	47.0
DXG	-3.3%	31.7%	44.6

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VHM	-4.2%	23.5%	-163.2
DPM	2.3%	12.1%	-144.5
CII	-7.0%	12.0%	-31.8
OCB	1.3%	22.0%	-26.8
HPG	0.4%	21.7%	-67.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
PVI	4.0%	58.0%	3.5
DL1	-8.2%	3.1%	1.1
BCC	-2.3%	1.7%	0.7
PLC	0.9%	1.6%	0.6
TA9	-7.9%	9.6%	0.6

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VCS	0.0%	3.5%	-7.5
SHS	-0.5%	8.4%	-7.1
PVC	-9.7%	0.7%	-2.2
PVS	-9.9%	8.5%	-2.1
BVS	-2.5%	9.0%	-1.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	5.2%	PNJ, STK
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.3%	BVH, MIG
Thực phẩm và đồ uống	-2.5%	DGW, FRT
Bán lẻ	-2.5%	VNS, SKG
Y tế	-2.6%	SAB, ANV

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Xây dựng và Vật Liệu	-16.3%	SSI, VCI
Ô tô và phụ tùng	-12.8%	VCG, VGC
Dịch vụ tài chính	-12.5%	TCH, HHS
Truyền thông	-10.7%	VPB, TCB
Dầu khí	-9.5%	YEG, ADG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	12.6%	MWG, DGW
Công nghệ thông tin	12.3%	FPT, CMG
Bảo hiểm	10.2%	PNJ, MSH
Hàng cá nhân & Gia dụng	7.4%	BVH, MIG
Thực phẩm và đồ uống	0.3%	SAB, VHC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-20.0%	VCG, ROS
Xây dựng và Vật Liệu	-19.5%	SSI, VCI
Ô tô và phụ tùng	-17.9%	TCH, HHS
Dịch vụ tài chính	-15.7%	YEG, ADG
Dầu khí	-13.9%	PLX, PVD

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	222,488 (9.7)	22.5	71.1	38.1	14.7	4.4	7.3	2.9	2.7	-2.3	-5.1	-4.3	-18.5
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	300,081 (13.1)	26.6	7.8	6.7	35.9	24.6	22.7	1.7	1.4	-4.2	-	-	-22.0
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	124,963 (5.5)	17.8	25.7	17.7	-7.6	9.0	11.6	2.1	2.0	-0.5	-4.2	-8.1	1.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	439,829 (19.2)	31.3	28.0	18.3	6.7	15.2	18.7	3.8	3.0	-1.6	-5.8	-2.8	-12.0
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	61,500 (2.7)	11.6	21.8	17.5	13.7	13.7	14.4	2.5	2.2	-3.8	-4.2	-9.9	-5.9
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	551,563 (24.1)	13.9	13.4	6.9	-	15.0	12.4	1.6	1.9	-3.3	-	-	-7.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	80,022 (3.5)	6.3	14.2	11.5	11.7	20.1	21.4	2.6	2.2	0.0	-3.2	-7.7	-0.5
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	104,563 (4.6)	12.7	14.5	10.5	-5.3	17.2	20.2	2.0	1.6	1.4	-4.9	12.1	3.8
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	354,363 (15.5)	0.0	7.1	5.8	14.3	21.0	20.6	1.4	1.1	1.3	-7.8	11.8	-12.8
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	171,287 (7.5)	1.4	7.1	5.9	50.3	20.1	20.9	1.3	1.1	1.0	-7.1	11.7	-14.5
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	795,058 (34.7)	0.0	10.7	8.6	18.8	16.2	16.9	1.6	1.4	0.9	10.1	-3.5	-0.8
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	438,093 (19.1)	0.0	7.4	5.9	14.6	24.1	23.4	1.5	1.2	1.7	-7.1	-6.8	3.8
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	106,818 (4.7)	4.2	6.9	5.7	23.3	21.8	21.1	-	-	-3.3	-8.8	12.0	-19.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	421,119 (18.4)	14.0	12.0	7.1	26.5	13.9	17.8	1.4	1.1	0.4	10.2	16.5	-12.2
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	184,891 (8.1)	0.0	8.2	6.6	37.4	23.0	22.6	1.7	1.4	-2.0	10.9	12.8	-15.2
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	18,027 (0.8)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	-1.9	-9.2	15.2	-8.9	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	129,692 (5.7)	21.0	22.3	19.2	15.8	10.2	11.1	2.2	2.0	3.9	6.4	13.7	18.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	33,343 (1.5)	14.2	36.2	16.4	9.1	11.6	13.5	4.0	1.8	1.2	-4.8	11.3	-14.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	355,878 (15.6)	55.4	16.1	15.2	-3.2	15.2	15.2	-	-	2.4	14.2	18.6	-30.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	129,914 (5.7)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	3.4	15.4	24.4	-38.2
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	123,482 (5.4)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	3.3	12.2	20.8	-38.2
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	442,217 (19.3)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	6.8	-6.4	1.1	-2.8
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	246,621 (10.8)	42.1	15.7	14.5	4.0	30.9	33.0	4.5	4.3	-0.8	-1.7	-3.4	-13.2
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	35,632 (1.6)	36.9	25.3	20.8	7.3	19.6	21.4	4.6	4.2	-1.3	1.7	11.5	12.4
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	137,229 (6.0)	16.5	31.7	22.8	-51.9	17.9	22.6	5.5	4.4	-1.0	-2.1	1.8	-13.7
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	124,352 (5.4)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-6.9	25.2	29.9	-43.1
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	107,906 (4.7)	11.0	118.8	23.9	-88.5	6.8	19.8	-	-	-3.9	-0.3	-4.7	6.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	179,001 (7.8)	10.8	22.6	19.8	-57.0	12.2	13.6	2.6	2.4	0.0	-1.6	2.2	17.5
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	256,848 (11.2)	38.4	8.0	10.4	65.7	14.1	9.3	1.1	1.1	-7.0	21.9	29.1	-51.2
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	116,569 (5.1)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-6.9	30.1	58.2	-72.4
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	670,898 (29.3)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	4.7	19.4	26.1	-28.7
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	101,867 (4.5)	3.6	13.0	9.6	-52.4	4.2	5.4	0.5	0.5	-4.4	18.4	29.2	-44.1
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	82,615 (3.6)	0.0	12.7	10.5	-4.5	13.8	14.4	1.7	1.5	1.0	-1.5	12.2	16.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm)	GTGD (VND triệu, USDm)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	80,288 (3.5)	46.1	17.4	16.0	-17.5	20.4	19.5	3.5	3.3	-1.5	-5.9	-7.9	9.1	
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	28,842 (1.3)	31.4	11.6	10.0	-10.5	15.0	15.9	1.5	1.4	-4.3	0.2	1.3	-12.2	
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,017 (0.1)	34.1	14.2	8.8	-5.1	10.1	17.3	1.2	1.2	-1.3	-7.1	10.1	-18.5	
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	771,175 (33.7)	18.0	6.7	6.4	21.9	29.9	23.1	1.6	1.3	0.3	-3.5	-7.5	-6.6	
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	475,691 (20.8)	36.5	7.5	15.6	-0.5	31.6	15.2	2.7	3.6	2.3	-0.8	14.7	43.2	
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	333,685 (14.6)	46.5	9.0	13.3	-4.5	29.9	17.6	2.3	2.1	-0.2	-5.2	-2.8	12.8	
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	285,541 (12.5)	38.9	4.8	5.4	67.9	24.0	19.9	1.1	0.9	0.0	-9.3	21.2	-19.5	
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	124,620 (5.4)	97.2	13.3	11.9	17.2	7.0	7.6	0.9	0.9	-4.2	-	20.3	23.0	-32.2
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	89,957 (3.9)	4.6	18.5	14.7	-51.0	14.1	15.9	1.9	1.8	-1.9	-8.0	10.2	-6.7	
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	187,633 (8.2)	39.9	26.4	12.4	-11.9	3.3	5.9	0.7	0.7	-6.9	-	17.2	30.9	-15.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	97,025 (4.2)	35.9	7.9	6.8	2.2	16.5	16.4	1.1	0.9	-2.3	-	11.8	19.2	-12.9
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	362,720 (15.8)	0.0	17.3	14.4	14.4	28.1	28.0	4.6	3.9	-0.3	-2.5	15.3	14.4	
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	139,247 (6.1)	0.0	20.4	16.7	2.4	20.9	20.8	3.8	3.1	0.1	1.7	12.7	23.7	
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	10,494 (0.5)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-6.8	-	22.5	38.0	-29.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	154,149 (6.7)	30.3	21.1	17.8	-75.2	29.7	27.6	5.9	4.6	-1.2	0.4	12.8	65.7	
Chăm sóc sức khỏe	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	78,664 (3.4)	34.6	9.9	11.2	41.2	35.0	25.3	2.8	2.4	-6.9	-8.2	-3.9	3.9	
	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	3,436 (0.2)	45.4	16.9	15.5	10.7	20.1	19.9	3.1	2.8	0.0	-0.5	-7.7	-10.1	
IT	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-	
	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	370,200 (16.2)	0.0	20.2	16.1	15.5	27.3	29.5	4.9	4.2	0.0	-3.9	17.5	20.4	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Nguyễn Đức Huy**  
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán  
huynd1@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhtd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

